| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **86**/2024/HC-ST
Ngày: 22-5-2024
V/v khiếu kiện quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Thanh Huyến

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Quyền

Ông Thái Ngọc Minh

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Kháng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Sơn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số: 238/2023/TLST-HC ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc "*Khiếu kiện quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả* ". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2024/QĐXXST-HC ngày 22 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

**Người khởi kiện:** Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số H đường số E, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

*Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Bùi Ngọc H, sinh nưm 1977.

Địa chỉ: Số F, Liên khu 5-11-12, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**Người bị kiện**: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Lê Quốc T, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện*: Ông Nguyễn Văn H1 - Chức vụ: Phó Trưởng phòng tư pháp thành phố P. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Số D, đường C, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

*Người đại diện theo pháp luật*: Ông Huỳnh Quang H2, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Số D, đường C, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

2. Công ty Cổ phần T3

*Người đại diện theo pháp luật*: Ông Lê Chí T1 - Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số F tầng E, Tòa nhà S lam S, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí minh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2023, ông Phan Văn Đ trình bày:**

Vào năm 2019, ông có nhận chuyển nhượng một thửa đất diện tích 500m$^2$ tại ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang của ông Đào Văn Q bằng giấy tay. Sau khi nhận chuyển nhượng ông đã xây nhà và đưa vào sử dụng từ năm 2020.

Ngày 28/12/2022 Công chức Địa chính - Xây dựng xã D lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 182/BB-VPHC với nội dung ông Đ1 "Chiếm đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm) tại khu vực nông thôn với diện tích 334,1m$^2$; chiếm đất phi nông nghiệp (đất thương mại, dịch vụ) diện tích 135m$^2$ của Công ty TNHH T3.

Ngày 14/8/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 4377/QĐ-KPHQ buộc ông phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm; buộc trả lại cho UBND thành phố P diện tích 334,1m$^2$ và trả cho Công ty TNHH T3 diện tích 135m$^2$ tại ấp Đ, xã D, thành phố P; buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm với số tiền 4.154.327đ.

Nhận thấy, việc Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 4377/QĐ-KPHQ ngày 14/8/2023 không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Ông khởi kiện yêu cầu Toà án căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính tuyên hủy Quyết định số 4377/QĐ-KPHQ ngày 14/8/2023 của Chủ tịch UBND thành phố P.

**Tại Văn bản số 647/UBND-NCPC ngày 10 tháng 4 năm 2024, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P trình bày:**

Nguồn gốc diện tích 469,1m$^2$ tại ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang do ông Phan Văn Đ chiếm thuộc nhóm đất nông nghiệp loại đất trồng cây lâu năm *(theo công văn số 557/UBND-NCPC ngày 30/6/2022, về việc xác định loại đất để xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai)*.

Ngày 27/9/2022 Công chức Địa chính - Xây dựng UBND xã D lập Biên bản làm việc đối với ông Phan Văn Đ. Ông Đ trình bày nguồn gốc đất là do ông nhận chuyển nhượng của ông Đào Văn Q năm 2019 (Tại thời điểm mua đất này cho

đến nay là đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc mua bán đất này không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận).

Ngày 28/12/2022, Công chức Địa chính - Xây dựng UBND xã D đã phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành đo đạc, kiểm tra thực tế thửa đất diện tích 469,1m$^2$ do ông Đàm chiếm, trong đó diện tích 334,1m$^2$ là đất nông nghiệp loại đất trồng cây lâu năm tại khu vực nông thôn và 135m$^2$ đất phi nông nghiệp (loại đất thương mại, dịch vụ) tại khu vực nông thôn.

Toàn bộ diện tích ông Phan Văn Đ chiếm, trong đó 334,1m$^2$ nằm trong Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 24/5/2007 của UBND tỉnh K về việc thu hồi đất và giao UBND huyện P (nay là thành phố P) để lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, thực hiện quy hoạch xây dựng khu Du lịch - Dân cư B và Nam Bãi T2 tại xã D, thị trấn A, huyện P tỉnh Kiên Giang và 135m$^2$ đất phi nông nghiệp (đất thương mại, dịch vụ) tại khu vực nông thôn của Công ty TNHH T3 đã được UBND tỉnh K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 021690 ngày 29/01/2016.

Từ đó, Công chức Địa chính - Xây dựng lập Biên bản vi phạm hành chính số 182/BB-VPHC ngày 28/12/2022 và Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 91/BB-XM ngày 02/6/2023 thể hiện ông Phan Văn Đ thực hiện hành vi vi phạm hành chính chiếm đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm) tại khu vực nông thôn với diện tích 334,1m$^2$ đất do UBND thành phố P quản lý theo số 904/QĐ-UBND ngày 24/5/2007 của UBND tỉnh K về việc thu hồi đất và giao UBND huyện P và chiếm 135m$^2$ đất phi nông nghiệp (đất thương mại, dịch vụ) tại khu vực nông thôn. Công ty TNHH T3 đã được UBND tỉnh K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 021690 ngày 29/01/2016.

Biên bản vi phạm hành chính, Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính được lập đúng mẫu quy định; căn cứ lập Biên bản, người có thẩm quyền lập Biên bản thể hiện tính đầy đủ và rõ ràng; nội dung xác lập hành vi vi phạm hành chính đầy đủ, chính xác đúng quy định của pháp luật.

Theo đó việc ông Phan Văn Đ tự ý sử dụng diện tích 334,1m$^2$ đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của UBND thành phố P và diện tích 135m$^2$ thuộc quyền sử của Công ty TNHH T3 mà không được UBND thành phố P và Công ty TNHH T3 cho phép là hành vi chiếm đất, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Vì vậy, Quyết định số 4377/QĐ-KPHQ ngày 14/8/2023 của Chủ tịch UBND thành phố P buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phan Văn Đ là hoàn toàn có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và nội dung phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 38, Điều 28, Điều 29, Điều 65, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và điểm a, d khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Từ nội dung trên, đề nghị Toà án bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Đ.

**Tại phiên tòa sơ thẩm:**

- Ông Nguyễn Văn H1 người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện thống nhất với ý kiến và đề nghị của Chủ tịch UBND thành phố P. Đề nghị Toà án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Đ.

- Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân nhân, Thư ký Tòa án và việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính tại phiên tòa sơ thẩm; Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ đủ điều kiện để giải quyết vụ kiện.

Đối với người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Đ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Việc vắng mặt các đương sự tại phiên tòa:

Người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 158 của Luật tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.2] Thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án:

Ông Phan Văn Đ yêu cầu Tòa án hủy quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 30, 32 của Luật tố tụng hành chính.

[1.3] Thời hiệu khởi kiện:

Kể từ ngày ông Phan Văn Đ nhận được quyết định đến ngày nộp đơn khởi kiện chưa hết một năm, còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính.

[2] Tính hợp pháp của quyết định bị kiện:

[2.1] Thẩm quyền ban hành quyết định và pháp luật áp dụng:

Chủ tịch UBND thành phố P ban hành quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phan Văn Đ là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Các

văn bản pháp luật áp dụng giải quyết trong việc ban hành các quyết định đang có hiệu lực tại thời điểm ban hành quyết định là có căn cứ.

[2.2] Xét nguồn gốc đất theo đơn khởi kiện của ông Phan Văn Đ:

Toàn bộ diện tích 469,1m$^2$ ông Phan Văn Đ chiếm, trong đó 334,1m$^2$ nằm trong Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 24/5/2007 của UBND tỉnh K về việc thu hồi đất và giao UBND huyện P (nay là thành phố P) để lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, thực hiện quy hoạch xây dựng khu Du lịch - Dân cư B và Nam Bãi T2 tại xã D, thị trấn A, huyện P tỉnh Kiên Giang và 135m$^2$ đất phi nông nghiệp (đất thương mại, dịch vụ) tại khu vực nông thôn của Công ty TNHH T3 đã được UBND tỉnh K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 021690 ngày 29/01/2016.

Việc ông Đ sử dụng 334,1m$^2$ thuộc quyền quản lý của UBND thành phố P nhưng không được sự đồng ý của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và sử dụng diện tích 135m$^2$ của Công ty Cổ phần T3 mà chưa có sự đồng ý của Công ty là hành vi chiếm đất được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Trong khi đó, ông Q và ông Đ không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai, điều này UBND thành phố P đã chứng minh về nguồn gốc đất và chủ thể quản lý đất.

[2.3] Xét tính hợp pháp của quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả:

Khi phát hiện hành vi chiếm đất của ông Đ, Công chức Địa chính - Xây dựng xã D đã tiến hành lập Biên bản làm việc ngày 27/9/2022 đối với ông Đ, ông Đ thừa nhận hành vi của mình, ngày 28/12/2022 cán bộ địa chính tiến hành đo đạc xác định vị trí đất, ngày 28/12/2022 mới tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính và ngày 02/6/2023 tiến hành xác minh tiết tiết vụ việc. Cho thấy trách nhiệm quản lý đất đai của địa phương, cán bộ được phân công chưa nhanh chóng, kịp thời để cho ông Đ chiếm đất xây dựng nhà ở một thời gian dài dẫn đến việc không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Tuy Chủ tịch UBND thành phố P không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nhưng hậu của hành vi vi phạm cần phải được khắc phục để đảm bảo cho việc quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, nên việc Chủ tịch UBND thành phố P ban hành quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Đ là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 38, Điều 65 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

[2.4] Biện pháp khắc phục hậu quả, trong đó có buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, buộc trả đất và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp đồng từ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm tại khu vực nông thôn) qua đất xây dựng nhà ở là phù hợp với khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất

đai.

Như vậy, việc Chủ tịch UBND thành phố phú Quốc ban hành quyết định số 4377/QĐ-KPHQ ngày 14/8/2023 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phan Văn Đ là phù hợp pháp luật.

[3] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Đ về việc yêu cầu hủy Quyết định số 4377/QĐ-KPHQ ngày 14/8/2023 của chủ tịch UBND thành phố P về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông ọng Phan Văn Đ; chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, đề nghị của người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện.

[4]. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Phan Văn Đ chịu án phí sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào án phí tạm nộp theo biên lai thu số 0004511 ngày 16/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Chủ tịch UBND thành phố P không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 30, 32, 116, 158, 164, 193, 194 của Luật tố tụng hành chính.

- Căn cứ các Điều 38, 58, 65 của Luật xử lý vi phạm hành chính(sửa đổi, bổ sung năm 2020);

- Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

- Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

- Căn cứ Điều 32 của Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1.** Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Đ về việc yêu cầu hủy Quyết định số 4377/QĐ-KPHQ ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phan Văn Đ.

**2.** Về án phí:

- Ông Phan Văn Đ phải chịu án phí sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào án

phí tạm nộp theo lai thu số 0004511 ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm.

**3.** Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND cấp cao TPHCM;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thanh Huyến**